TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2023/DS-PT
Ngày: 28/3/2023
V/v: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thanh
Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Viên
Bà Lê Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cam R, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2022/QĐXX-DSPT ngày 26/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐPT-DS ngày 14/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn:*</u> Bà Huỳnh Bùi Thị L
Địa chỉ: Thôn Hòa S, xã Cam Thịnh Đ1, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H. (Có mặt)

* <u>*Bị đơn:*</u> Ông Đoàn Văn V
Bà Huỳnh Bùi Thị L1
Cùng trú tại: Thôn Hòa S, xã Cam Thịnh Đ1, thành phố Cam R, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Đoàn Thị Ngọc Đ
Địa chỉ: Tổ dân phố Hương L4, phường Ba N2, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H. (Vắng mặt)

2/ Ông Mai Xuân T (T3)

3/ Bà Huỳnh Bùi Thị L2
Cùng trú tại: Thôn Hòa S, xã Cam Thịnh Đ1, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H. (Đều vắng mặt)

** Người làm chứng:*

Ông Đoàn Văn N; địa chỉ: Thôn Cam K1, xã Sơn L5, huyện Khánh S, tỉnh Khánh H. (Vắng mặt)

* *Quyết định kháng nghị*: Viện trưởng - Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam R kháng nghị

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cam R, tỉnh Khánh H, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Huỳnh Bùi Thị L là người được sử dụng đất tại thửa đất số 507, tờ bản đồ 11, diện tích 995m^2, tọa lại tại thôn Hòa S, xã Cam Thịnh Đ1, thành phố Cam R, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00341/QSDĐ/CTĐ -CR ngày 21/02/1997.

Ranh giới phía Bắc của thửa đất thì giáp với đất của ông Đoàn Văn V và bà Huỳnh Bùi Thị L1 đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông V, bà L1 không sử dụng đúng diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà đã lấn chiếm sang đất của bà với chiều ngang là 01m và chiều dài 50m, tổng diện tích là 50m^2 và rào hàng rào B40 trên diện tích đất nhà bà. Khi bà Huỳnh Bùi Thị L thực hiện thủ tục đo vẽ để cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L mới phát hiện ông V, bà L1 đã lấn chiếm đất của bà L. Mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà L1 phải tháo dỡ hàng rào B40 để trả lại đất cho bà L và đồng thời ký xác nhận ranh giới để bà L được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vợ chồng ông V, bà L1 không đồng ý.

Sau đó, bà L đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Cam Thịnh Đ1 giải quyết. Ủy ban nhân dân xã Cam Thịnh Đ1 đã xác minh và hòa giải nhưng vợ chồng ông V, bà L1 vẫn không chịu tháo hàng rào B40 và trả đất lại cho bà L.

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2020, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Văn V, bà Huỳnh Bùi Thị L1 phải tháo dỡ hàng rào B40 và trả lại cho bà L diện tích đất đã lấn chiếm là 50m^2, nằm trong phần diện tích đất 995m^2, tại thửa đất số 507, tờ bản đồ 11 tọa lại tại thôn Hòa S, xã Cam Thịnh Đ1, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00341/QSDĐ/CTĐ -CR ngày 21/02/1997. Đến ngày 09/7/2021, bà L bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Văn V, bà Huỳnh Bui Thị L1 phải tháo dỡ hàng rào B40 và trả lại cho bà L diện tích đất đã lấn chiếm là 68.3m^2 nằm trong phần diện tích đất 995m^2, tại thửa đất số 507, tờ bản đồ 11 tọa lại tại thôn Hòa S, xã Cam Thịnh Đ1, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H.

Tại phiên tòa bà L yêu cầu ông Đoàn Văn V, bà Huỳnh Bùi Thị L1 phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 dài 26.8m, gắn 10 trụ bê tông và trả lại cho bà L diện tích đất đã lấn chiếm là 68.3m^2, tại thửa đất số 118.2, tờ bản đồ số 51 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập *(diện tích, thửa đất này nằm trong phần diện tích đất 995m^2, tại 507, tờ bản đồ 11 tọa lại tại thôn Hòa S, xã Cam Thịnh Đ1, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00341/QSDĐ/CTĐ -CR ngày 21/02/1997).*

Đối với một phần diện tích khoảng 256m^2 thửa đất số 117, tờ bản đồ số 51, diện tích 304,5m^2, bản đồ địa chính VN2000 do ông Mai Xuân T đứng tên; Một phần diện tích khoảng 48m^2 thửa đất số 128 tờ bản đồ số 51, diện tích 204,9m^2, bản đồ địa chính VN2000 do bà Nguyễn Thị Kim A đứng tên thuộc thửa đất 507, tờ bản đồ số 11 (bản đồ 201). Một phần diện tích khoảng 80m^2 thửa đất số 104, tờ bản đồ số 51, diện tích 289,4m^2, bản đồ địa chính VN2000 bà Nguyễn Đoàn Thị Ngọc Đ đứng tên; Một phần diện tích khoảng 32m^2 thửa đất số 103, tờ bản đồ số 51, diện tích 197,2m^2, bản đồ địa chính VN2000 ông Nguyễn Đình T1 đứng tên thuộc thửa đất 520, tờ bản đồ số 11 (bản đồ 201), bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hồ nước hiện nay đang tồn tại trên diện tích đất tranh chấp bà L sẽ hoàn lại giá trị cho ông V, bà L1 theo giá của Hội đồng định giá tài sản là: 1.450.000đ *(Một triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Ông Đoàn Văn V và bà Huỳnh Bùi Thị L1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Bùi Thị L, Bởi vì:

Nguồn gốc thửa đất của vợ chồng ông bà đang sử dụng thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 520, diện tích 1390m^2, tọa lạc tại thôn Hòa S, xã Cam Thịnh Đ1, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H là do bố mẹ chồng, ông Đoàn L3 và bà Trần Thị N1 cho hai vợ chồng ông bà. Sau đó, ông bà được Ủy ban nhân dân huyện *(nay là thành phố)* Cam R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00802/QSDĐ/CTĐ-CR ngày 24/6/1998. Vợ chồng ông bà sử dụng ổn định, không tranh chấp từ năm 1998 đến nay.

Khi vợ chồng ông bà sử dụng diện tích đất nêu trên thì phía Nam là giáp diện tích đất của bà Nguyễn Thị T2 *(đã mất)*, Năm 2008, ông Đoàn Văn N *(con bà T2)* có có chuyển nhượng lại diện tích đất của bà T2 cho bà Huỳnh Bùi Thị L.

Trước khi con bà T2 chuyển nhượng cho bà L thì ranh giới đất giữa vợ chồng ông bà và đất nhà bà T2 là 01 hàng rào bằng dây thép gai, phía trước *(sát đường bê tông)* là 01 gốc me *(nay không còn)* và 01 đồng hồ nước. Sau đó, bà L mua lại đất của bà T2, vì là chị em ruột nên vợ chồng ông bà mới tháo hàng rào thép gai để đi lại hai gia đình được dễ dàng. Đến năm 2018, ông bà xây nhà mới nên có làm hàng rào B40, ông bà làm hàng rào B40 đúng với hàng rào cũ đã bị tháo bỏ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên bà Nguyễn Đoàn Thị Ngọc Đ trình bày: Bà không có quan hệ gì đối bà Huỳnh Bùi Thị L, ông Đoàn Văn V là cậu ruột của bà, bà Huỳnh Bùi Thị L1 là mợ của bà. Bà được biết nguồn gốc lộ đất số 520, tờ bản đồ số 11 là của ông bà ngoại bà là Đoàn L3, bà Trần Thị N1. Bà nghe mẹ bà nói ông bà ngoại và anh em trong gia đình đã cho ông Đoàn Văn V, bà Huỳnh Bùi Thị L1 quản lý, sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông V, bà L1. Ngoài ra bà không biết gì về lô đất trên. Vào thời điểm cấp Giấy chứng nhận năm 1998, bà vẫn có tên trong sổ hộ khẩu do ông Đoàn L3 làm chủ hộ nhưng bà không sống chung với những người có tên trong hộ như ông Lễ, bà N1, bà K, ông V, bà H1. Thời điểm năm 1998 bà đã lấy chồng và sinh sống ở phường Ba N2 cho đến nay. Bà không có quyền sử dụng đất chung đối với thửa đất trên. Bà là con ruột của bà K, mẹ bà đã chết năm

2016. Bà không có ý kiến gì về việc nguyên đơn, khởi kiện bị đơn và bà không tranh chấp gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Bùi Thị L2 trình bày: Bà là cháu của bà Nguyễn Thị T2, nguồn gốc thửa đất số 507, tờ bản đồ số 11, diện tích 995m^2 tọa lạc tại thôn Hòa S, xã Cam Thịnh Đ1 là của bà T2. Sau đó, con bà T2 bán đất, bán cho ai, bán vào thời gian nào bà không biết. Thời điểm bà T2 còn sống bà ở Khánh S, chuyển về sống tại thôn Hòa S, bà mua đất của người khác không nhớ họ tên, địa chỉ và sinh sống từ đó đến nay tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 51. Bà mua lô đất này của một người từ lâu không nhớ tên (đã chết), mua không lập giấy tờ. Hiện nay diện tích đất bà đang ở chưa làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà không nhận tặng cho toàn bộ diện tích đất này từ bà T2, bà T2 chỉ cho bà một phần diện tích bằng miệng từ phía trước nhà, không nhớ cụ thể diện tích bao nhiêu. Bà là chị ruột của bà L1, ông V là em rể. Việc tranh chấp đất giữa bà L, bà L1 và ông V bà không liên quan nên không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân T trình bày: Ông là chồng của bà L2, bà Nguyễn Thị T2 là dì ruột *(bên vợ)*, bà Huỳnh Bùi Thị L, Huỳnh Bùi Thị L1 là em (bên vợ) ông Đoàn Văn V là em rể *(bên vợ)*. Nguồn gốc thửa đất số 507, tờ bản đồ số 11, diện tích 995m^2 tọa lạc tại thôn Hòa S, xã Cam Thịnh Đ1 là của bà T2, sau khi bà T2 chết ông N chuyển nhượng lại cho bà L, chuyển nhượng năm nào ông không rõ. Trước năm 2000, bà T2 cho vợ chồng ông một diện tích đất, ông không biết số thửa, tờ bản đồ, không nhớ diện tích cho bao nhiêu, việc cho đất bằng miệng không lập giấy tờ, diện tích đất bà T2 cho nằm bên cạnh diện tích đất bà L đang sử dụng hiện nay. Việc tranh chấp đất giữa bà L, bà L1, ông V ông không liên quan gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Trong giấy khai sinh của ông (đã thất lạc) tên là Mai Xuân T3 nhưng khi làm giấy khai sinh cho con, ông khai Mai Xuân T, hiện nay sổ hộ khẩu và căn cước công dân của ông là Mai Xuân T. Mai Xuân T (Mai Xuân T3) đều là một người.

Tại Bản án số 06/2022/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cam R, tỉnh Khánh H:

Căn cứ vào Điều 5; Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158: Điều 164; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 164; Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, Điều 3 và khoản 1, khoản 6 Điều 73 của Luật đất đai năm 1993.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đoàn Văn V, bà Huỳnh Bùi Thị L1 trả lại cho bà Huỳnh Bùi Thị L phần diện tích đất lấn chiếm là 68,3m2 tại thửa đất số 118.2 tờ bản đồ số 51 tọa lạc tại thôn Hòa S, xã Cam Thịnh Đ1, thành phố Cam R, tỉnh Khánh Hòa *(Diện tích, vị trí*

đất thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 08-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cam R lập ngày 04/01/2021 kèm theo bản án).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào lưới B40 dài 26,8m gắn 10 trụ bê tông.

3. Bà Huỳnh Bùi Thị L phải hoàn lại giá trị hồ nước với số tiền là 1.450.000đ *(Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* cho ông Đoàn Văn V, bà Huỳnh Bùi Thị L1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam R có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS kháng nghị một phần bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2022/DSST ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cam R, tỉnh Khánh Hòa về nội dung: Buộc bị đơn ông V bà L1 nộp án phí không có giá ngạch đối với tranh chấp 68,3m^2, căn cứ Luật đất đai năm 2013 để giải quyết vụ án và tuyên rõ về chi phí tố tụng tại phần quyết định của Bản án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà phát biểu: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 23/5/2022 của Viện trưởng - Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam R, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Người làm chứng ông Đoàn Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Đoàn Thị Ngọc Đ, ông Mai Xuân T *(T3)* và bà Huỳnh Bùi Thị L2 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng, các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa rút một phần kháng nghị của Viện trưởng - Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam R đối với các nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng tại phần quyết định của bản án và căn cứ Luật đất đai năm 2013 để giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2]. Xét nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 23/5/2022 của Viện trưởng - Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam R (*Buộc bị đơn ông V bà L1 nộp án phí không có giá ngạch đối với tranh chấp 68,3m^2).* Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn tháo dỡ hàng rào trả lại phần diện tích đất 68,3m^2 thuộc một phần thửa đất 507, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại thôn Hòa Diêm, xã Cam Thịnh Đ1, thành phố Cam R và không yêu cầu xem xét về giá trị đất. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quyền sử dụng đất 68,3m^2 thuộc về nguyên đơn bà L hay bị đơn ông V, bà L1. Theo quy định điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000đ. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị đơn phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 5.122.000đ là không đúng và chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Từ nhận định trên. Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy có căn cứ để chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 23/5/2022 của Viện trưởng - Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam R và cần sửa bản án sơ thẩm về án phí.

[3]. Về án phí: Ông Đoàn Văn V, bà Huỳnh Bùi Thị L1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị; Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 23/5/2022 của Viện trưởng - Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam R, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Căn cứ vào Điều 164, Điều 166, Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, Điều 3, khoản 1, khoản 6 Điều 73 của Luật Đất đai 1993;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đoàn Văn V, bà Huỳnh Bùi Thị L1 trả lại cho bà Huỳnh Bùi Thị L phần diện tích đất lấn chiếm là 68,3m2 tại thửa đất số 118.2 tờ bản đồ số 51 tọa lạc tại thôn Hòa S, xã Cam Thịnh Đ1, thành phố Cam R, tỉnh Khánh H *(Diện tích, vị trí đất thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 08-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cam R lập ngày 04/01/2021 kèm theo bản án)*.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào lưới B40 dài 26,8m gắn 10 trụ bê tông.

3. Bà Huỳnh Bùi Thị L phải hoàn lại giá trị hồ nước với số tiền là 1.450.000đ *(Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* cho ông Đoàn Văn V, bà Huỳnh Bùi Thị L1.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đình chỉ một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 23/5/2022 của Viện trưởng - Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam R: Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng tại phần quyết định của bản án và căn cứ Luật đất đai năm 2013 để giải quyết vụ án.

5. Về án phí:

5.1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 23/5/2022 của Viện trưởng - Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam R, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

5.2. Ông Đoàn Văn V, bà Huỳnh Bùi Thị L1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I TANDTC;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. Cam Ranh;
- VKSND TP. Cam Ranh;
- Chi cục THADS TP. Cam Ranh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Thanh